TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Số: 35/2020/QĐST- HNGĐ	*Lạc Thuỷ, ngày 24 tháng 04 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: thôn 8, xã H, huyện L, tỉnh Hoà Bình.

Bị đơn: anh Trịnh Việt D, sinh năm 1987.

Địa chỉ: thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 04 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 04 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1989.

Bị đơn: anh Trịnh Việt D, sinh năm 1987.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trịnh Việt D thuận tình ly hôn.

2.2/ Về con chung: chị Nguyễn Thị Kim T và anh Trịnh Việt D cùng nhất trí: Giao con là cháu Trịnh Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 10/11/2016 cho chị Nguyễn Thị Kim T

trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trịnh Nguyễn Thanh Tr trưởng thành hoặc có thay đổi khác.

Anh D được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Trịnh Việt D cấp dưỡng nuôi con là cháu Trịnh Nguyễn Thanh Tr là 2.000.000 đồng/tháng *(Hai triệu đồng/tháng)* tính từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trịnh Nguyễn Thanh Tr đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

2.3/ Về tài sản chung: chị T và anh D cùng nhất trí không có, không yêu cầu pháp luật giải quyết, nên Tòa án không đề cập.

2.4/ Về công nợ chung: chị T và anh D cùng nhất trí không có, không yêu cầu pháp luật giải quyết, nên Tòa án không đề cập.

2.5/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim T tự nguyện nộp 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và tự nguyện nộp 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được đối trừ với số tiền đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0003104 ngày 25/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Thị Hiền

Nơi nhận :
- Toà án tỉnh Hoà Bình
- VKSND huyện L;
- CCTHADS huyện L.
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HS.